

THÔNG BÁO**Kết quả kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non
trên địa bàn huyện Ia Grai, năm học 2019-2020**

Thực hiện Quyết định số 316/QĐ-SGDĐT ngày 23/6/2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2019-2020;

Từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, Sở GD-ĐT đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2019-2020 tại Phòng GD-ĐT và các cơ sở GDMN huyện Ia Grai, Sở GD-ĐT thông báo kết quả kiểm tra và chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

I. Kết quả kiểm tra**1. Công tác tham mưu của phòng GD-ĐT**

Phòng GD-ĐT đã tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) huyện ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm về phát triển GDMN: Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 đối với bậc học mầm non của huyện; ban hành Quyết định công nhận trường mầm non, mẫu giáo đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn thương tích; công tác chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường mầm non (MN) đạt chất lượng giáo dục, chuẩn quốc gia; tham mưu bổ sung 65 chỉ tiêu biên chế cho GDMN (hiện tại đang hợp đồng do huyện trả lương). Chủ động phối hợp với Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện hoàn thành hồ sơ và chi trả chế độ hỗ trợ cho trẻ mẫu giáo (MG) và giáo viên dạy lớp ghép, vùng dân tộc thiểu số (DTTS) theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP.

2. Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của phòng GD-ĐT đối với bậc học mầm non**2.1. Ưu điểm:**

Phòng GD-ĐT đã triển khai kịp thời, cụ thể hóa các nội dung văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng các biện pháp thực hiện phù hợp với tình hình địa bàn trong huyện, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non; ban hành các văn bản chỉ đạo theo thẩm quyền; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về GDMN; tăng cường quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh theo mùa và bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra; chỉ đạo việc quản lý, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi; chỉ đạo thực hiện quy chế chuyên môn; đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục; thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi; công tác xây dựng trường MN đạt chuẩn quốc gia; chỉ đạo công tác bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng, chống bạo

lực học đường, tai nạn, thương tích, vệ sinh an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng của trẻ và công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn huyện; chỉ đạo thực hiện thu học phí, mức thu học phí hàng năm trong các cơ sở GDMN thực hiện theo đúng quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉ đạo các trường đẩy mạnh các phong trào hoạt động như: Phong trào thi đua làm đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo, tổ chức các hội thi trong GDMN...các nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể cũng được Phòng GD-ĐT đánh giá, điều chỉnh và triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả, từng tháng, học kỳ và năm học.

2.2. Hạn chế:

Công tác quản lý trường, lớp MN ngoài công lập đôi lúc thiếu chặt chẽ.

3. Tình hình phát triển mạng lưới trường, lớp, học sinh ở bậc học MN trên địa bàn huyện

3.1. Ưu điểm:

Quy mô trường lớp được phát triển đều hàng năm, bố trí hợp lý các địa bàn (100% xã, thị trấn có trường MN): Toàn huyện có 15 trường, 115 điểm trường, 248 nhóm/lớp, 6.318 trẻ. Giám 02 trường công lập do nhập trường theo Nghị quyết 19-NQ/TW. Mặc dù địa bàn rộng, rải rác, có xã thuộc vùng biên giới, nhưng đơn vị đã quan tâm xây dựng phát triển mạng lưới trường lớp tạo điều kiện cho trẻ MN được đến trường, lớp với cự ly gần nhất.

Loại hình trường, lớp MN ngoài công lập được phát triển đáp ứng nhu cầu gửi con cho các bậc phụ huynh. Có 01 trường MN tư thục, 08 nhóm lớp độc lập tư thục (chưa tính 13 nhóm trẻ gia đình và 47 nhóm, lớp MN của Công ty 715 đóng chân trên 17 điểm thuộc 4 xã: IaO, Ia Chía, Ia Kha và Ia Krái). Tỷ lệ huy động trẻ MN ra lớp trên địa bàn toàn huyện đạt 63,6%, trong đó nhà trẻ 6,9%, mẫu giáo 94,1%. Tỷ lệ trẻ DTTS ra lớp đạt 55,72%. Tỷ lệ trẻ đi học ngoài công lập 22,94%.

Chất lượng giáo dục cơ bản đáp ứng được mục tiêu, 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá sự phát triển theo các chỉ số quy định; các điểm trường vùng thuận lợi có nhiều chuyển biến tích cực, trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, có kỹ năng và kiến thức theo yêu cầu Chương trình GDMN; trẻ vùng đồng bào DTTS có kiến thức, kỹ năng, tự tin, mạnh dạn, sử dụng giao tiếp tiếng Việt. Tỷ lệ trẻ được học 2 buổi/ngày đạt 100%; tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt 98%; số trường tổ chức ăn trưa cho trẻ 09/15 (60%); số trẻ được ăn trưa 2.889 trẻ, đạt tỷ lệ 48,43%, so với mặt bằng tỉnh còn thấp. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong năm học 3,38%, thể thấp còi 3,55%, giảm so đầu năm 0,5%, không chế được số lượng trẻ béo phì 0,2%.

3.2. Hạn chế:

Tỷ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp thấp so với mục tiêu phát triển GDMN; chất lượng giáo dục vùng khó khăn vẫn còn hạn chế.

4. Phát triển số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV)

4.1. Ưu điểm:

Đội ngũ CBQL, GV được bổ sung, trình độ đào tạo trên chuẩn được nâng lên, tính đến năm học này toàn huyện có 432 CBQL, GV, NV, trong đó 45 cán bộ quản lý, 08 chủ nhóm lớp độc lập, 329 giáo viên, 50 nhân viên. Trình độ đào tạo Sơ cấp 28 (7,07%), Trung cấp 147 (37,12%), Cao đẳng và Đại học 221 (58,81%). Định biên giáo viên/lớp: 1,33. Tỷ lệ giáo viên/lớp ngoài công lập 1,51.

100% cán bộ quản lý và giáo viên mầm non được đánh giá theo bộ chuẩn quy định của Bộ GD-ĐT. Đoàn đã kiểm tra dự giờ các hoạt động giáo dục đối với 22 giáo viên của 07 trường mầm non, mẫu giáo, kết quả xếp loại: Giỏi: 11, khá: 11. Nhìn chung giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục bảo đảm đáp ứng được mục tiêu, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phù hợp với bối cảnh địa phương, các giờ hoạt động giáo dục thể hiện được quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Kế hoạch giáo dục được nhà trường xây dựng dựa trên cơ sở khả năng của trẻ và điều kiện bối cảnh địa phương. Hầu hết trẻ ngoan, lễ phép, khỏe mạnh, tự tin và có kỹ năng vệ sinh, giao tiếp bằng tiếng Việt khá tốt.

4.2. Hạn chế:

Định biên giáo viên/lớp thấp (1,33), đặc biệt tỷ lệ giáo viên biên chế dạy trong các trường công lập chỉ đạt 0,88 giáo viên/lớp (0,88). Hiện tại, theo yêu cầu tối thiểu còn thiếu 65 GVMN công lập và 06 GVMN ngoài công lập. Số giáo viên dạy nhà trẻ ở các điểm trường ngoài công lập trình độ sơ cấp vẫn còn, tỷ lệ giáo viên trong các trường công lập có trình độ trung cấp khá cao (37,12%).

5. Phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động trong các cơ sở GDMN

5.1. Ưu điểm:

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của các nhà trường được đầu tư, bố trí đủ phòng học cho trẻ, bàn ghế đủ chỗ ngồi, các thiết bị đồ dùng dạy học, đồ chơi được bổ sung hàng năm.

Tổng số 248 phòng học /248 nhóm/lớp, có 161 bộ đồ dùng tối thiểu; 59 bộ đồ chơi ngoài trời, các nhóm lớp đa số đều có nhà vệ sinh tự hoại, sân chơi, hàng rào, đồ chơi ngoài trời cơ bản đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của các nhà trường.

Trong năm học này huyện đã xây dựng thêm 01 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia nâng số lượng trường chuẩn 06/15 trường, tỷ lệ 40%. Năm 2020 dự kiến xây dựng thêm 01 Trường Mẫu giáo 15/5, xã Ia Bă.

Nhìn chung chất lượng giáo dục của các cơ sở GDMN trên địa bàn huyện được cải thiện so với những năm trước đây, đặc biệt các cơ sở GDMN quan tâm, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và cải tạo, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, xanh, sạch, đẹp.

5.2. Hạn chế:

Cơ sở vật chất nhiều trường đã có hiện tượng xuống cấp, đầu tư xây dựng thấp và như Trường Mầm non 3/2; thiếu phòng học như Trường Mầm non 1/5, Trường Mầm non 26/3; thiếu các phòng chức năng, phòng làm việc tại Trường

mầm non 2/9, ... Nhà bếp và các đồ dùng, thiết bị bếp ăn nhiều trường tạm bợ thiếu kiên cố, chưa bảo đảm quy trình vận hành.

Đa số các trường đều thiếu danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu, các điểm trường chủ yếu đồ chơi tự tạo bằng vật liệu tái tạo chưa bảo đảm tính thẩm mỹ và độ bền.

Diện tích đất và diện tích phòng của các nhóm lớp mầm non tư thục hẹp, phòng làm việc còn chung với sinh hoạt gia đình.

6. Kiểm tra thực tế tại các cơ sở GDMN; nhóm lớp độc lập tư thục và nhóm trẻ gia đình

Kiểm tra thực tế tại 07/15 trường (tỉ lệ 46,67%), 06/08 nhóm lớp độc lập (tỉ lệ 75%) 01/13 nhóm trẻ gia đình (tỉ lệ 7,7%), đại diện các vùng thuận lợi và khó khăn trên địa bàn huyện (vùng 01, vùng 02, vùng 03).

6.1. Về công tác quản lý của Ban giám hiệu nhà trường:

6.1.1. Ưu điểm:

Đội ngũ cán bộ quản lý đầy đủ, có năng lực điều hành và chuyên môn. Công tác quản lý chỉ đạo thực hiện chuyên môn của các nhà trường đúng tiến độ kế hoạch, đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phù hợp với vùng, miền; Trong quá trình giảng dạy nghiêm túc thực hiện việc đổi mới chương trình GDMN, đổi mới phương pháp đánh giá và giảng dạy theo chuẩn kiến thức, kĩ năng;

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở kế hoạch năm học, học kỳ, tháng, tuần, có các giải pháp thực hiện, có nề nếp, kỷ cương. Việc tổ chức quản lý thể hiện được tinh thần tập trung dân chủ, thống nhất, công khai;

Tổ chức phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng và hợp lý, quản lý, kiểm tra và theo dõi các hoạt động giáo dục hàng ngày, ổn định tư tưởng và xây dựng khối đoàn kết nội bộ trường học;

Tham mưu các cấp quản lý và thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục có hiệu quả, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, đã huy động sức người, sức của từ phụ huynh để xây dựng các hạng mục như: Làm sân bê tông, mái hiên cho trẻ hoạt động, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn...;

Quản lý và chỉ đạo đội ngũ thực hiện tốt nội quy, quy chế và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Quản lý chất lượng chăm sóc và giáo dục trong nhà trường. Chỉ đạo giáo viên linh động, sáng tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện của trường, lớp, địa phương. Thực hiện tốt công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi và duy trì sĩ số;

Hồ sơ sổ sách của nhà trường, hồ sơ tổ khối được thiết lập và lưu trữ đầy đủ, khoa học và thuận tiện trong việc sử dụng, có ứng dụng công nghệ thông tin.

6.1.2. Hạn chế:

Một số nhóm trẻ gia đình hoạt động chưa có giấy phép; một số trường xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn và giáo dục lấy trẻ làm trung tâm chưa tốt,

đa số các trường vùng khó khăn chưa khắc phục điều kiện để tổ chức cho trẻ ăn trưa tại trường.

6.2. Về thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên:

6.2.1. Ưu điểm:

Số lượng giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và tỉ lệ trên chuẩn được nâng dần hàng năm, giáo viên có tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết với nghề, có năng lực sư phạm; Nghiêm túc thực hiện quy chế chuyên môn, chế độ hoạt động giáo dục trong ngày, thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên, tham gia các phong trào thi đua trong năm học; Hồ sơ sổ sách của giáo viên được lập và lưu trữ đầy đủ, có ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng kế hoạch soạn giảng;

Các hoạt động giáo dục được tổ chức đúng với kế hoạch trong ngày, bảo đảm chế độ sinh hoạt theo độ tuổi, có áp dụng phương pháp đổi mới phù hợp bối cảnh địa phương. Hoạt động học được tổ chức đủ các bước lên lớp, nội dung bảo đảm và cải tiến phương pháp dạy học phù hợp với GDMN lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng bối cảnh địa phương linh hoạt, hiệu quả; Bảo đảm an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ; an toàn thực phẩm trong quá trình tổ chức bán trú tại trường;

Thực hiện công tác tuyên truyền các bậc cha mẹ trẻ nuôi dạy con theo phương pháp khoa học, huy động phụ huynh cùng giáo viên làm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ.

6.2.2. Hạn chế:

Một số giáo viên lớn tuổi ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả chưa cao, các trường tổ chức bán trú tự xây dựng thực đơn cho trẻ làm theo phương pháp thủ công nên chưa đa dạng, phong phú dinh dưỡng cho trẻ.

6.3. Về chất lượng chăm sóc, giáo dục:

6.3.1. Ưu điểm:

100% trường, nhóm lớp và trẻ thực hiện chương trình GDMN theo Thông tư 28 của Bộ GD-ĐT, chỉ đạo thực hiện đầy đủ các chuyên đề trọng tâm, chỉ đạo đổi mới, cải tiến phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm;

Công tác triển khai, thực hiện Kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non người DTTS được các nhà trường chú trọng quan tâm và thực hiện có hiệu quả, trẻ mầm non người DTTS được giao tiếp bằng tiếng Việt thông qua tất cả các hoạt động giáo dục ở trường;

Chất lượng giáo dục cơ bản đáp ứng được mục tiêu theo quy định của Chương trình GDMN, 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá sự phát triển theo các chỉ số quy định; có nhiều giải pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Trẻ vùng dân tộc thiểu số phát triển kỹ năng (mạnh dạn, tự tin và khả năng giao tiếp tiếng Việt khá rõ).

6.3.2. Hạn chế:

Tỉ lệ suy dinh dưỡng ở vùng khó khăn, vùng biên giới vẫn còn cao so với vùng thuận lợi; môi trường tiếng Việt tại các trường, lớp vùng DTTS chưa đa dạng, phong phú.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm nổi bật

- Phòng GD-ĐT đã tham mưu kịp thời các chủ trương, chính sách phát triển GDMN phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương, đúng hướng chỉ đạo của ngành;
- 100% xã, thị trấn có trường mầm non, mẫu giáo và duy trì đạt phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi;
- Hệ thống trường, lớp mầm non được bố trí đến các thôn, làng, các điểm làng vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS. Sáp nhập tinh gọn, hiệu quả các trường mầm non công lập, hệ thống ngoài công lập có chiều hướng phát triển;
- Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp cao (94,1%), huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp cao (99,79%), tỷ lệ trẻ 3 tuổi đến trường (83,9%), trẻ 4 tuổi đến trường (95,82%); một số trường tổ chức bán trú cho trẻ đến các điểm lẻ;
- Đội ngũ cán bộ quản lý đầy đủ, trẻ hóa, trình độ chuyên môn trên chuẩn cao, nhạy bén và trách nhiệm. Cán bộ quản lý, giáo viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, bám trường, bám lớp vượt mọi khó khăn vất vả để hoàn thành nhiệm vụ được giao, tâm huyết với nghề;
- Cơ sở vật chất trường lớp tại vùng thuận lợi và vùng 02 khá đầy đủ, tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn 40%, hầu hết các trường đều xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm;
- Chất lượng giáo dục có bước phát triển, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng hạ thấp ở mức dưới 5%;
- Chỉ đạo tổ chức đại trà Chương trình GDMN phù hợp bối cảnh địa phương và sinh hoạt chuyên môn mới; hồ sơ quản lý được lưu trữ đầy đủ, khoa học, bảo đảm số lượng, nội dung, cập nhật kịp thời;
- Quan tâm bổ sung giáo viên cho bậc học mầm non nhằm nâng dần tỷ lệ giáo viên/lớp theo định biên, động viên giáo viên học tập, nâng cao trình độ đào tạo;
- Các cơ sở GDMN thực hiện đúng tiến độ kế hoạch, đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDMN phù hợp với vùng, miền. Nghiêm túc thực hiện đổi mới phương pháp đánh giá. Chất lượng giáo dục được cải thiện đáng kể, mặc dù vùng khó khăn nhưng kỹ năng sống của trẻ được nâng dần, việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ người DTTS được thực hiện với nhiều biện pháp tốt mang lại kết quả đáng khích lệ;
- Phòng GD-ĐT đã chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục với phương châm “Phát huy sức mạnh của cộng đồng, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng quan tâm chăm lo xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục”;
- Tập trung ưu tiên xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tính đến nay tỷ lệ trường chuẩn của huyện (40%), chất lượng trường mầm non đạt chuẩn

được nâng dần, giữ vững các tiêu chí quy định. Huyện đang tiếp tục ưu tiên xây dựng 01 trường mầm non đạt chuẩn trên địa bàn;

- Chủ động phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hoàn thành hồ sơ và chi trả đầy đủ chế độ hỗ trợ cho trẻ mẫu giáo và giáo viên dạy lớp ghép, vùng DTTS theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP (có 1.226 trẻ và 88 GV được hỗ trợ, với 878.198.000 đồng).

2. Hạn chế

- Cán bộ quản lý GDMN thừa, thiếu cục bộ so với tình hình thực tiễn (một số trường dư hiệu phó, thiếu chuyên viên phụ trách bậc học mầm non);

- Hệ thống trường lớp ngoài công lập được phát triển nhưng tổ chức sắp xếp chưa hợp lý, chưa bảo đảm quy chế hoạt động (Công ty 715, thuộc Binh đoàn 15 và các nhóm trẻ gia đình chưa có quyết định thành lập và giấy phép hoạt động, nhóm lớp Hoa Sen trên địa bàn thị trấn Ia Kha vượt quá quy định cho phép);

- Tỷ lệ giáo viên/lớp thấp so với định biên (1,33), đặc biệt tỷ lệ giáo viên biên chế dạy trong các trường công lập chỉ đạt 0,88 giáo viên/lớp. Trình độ đào tạo dưới chuẩn vẫn còn tồn tại, tỷ lệ trung cấp khá cao 37,12%;

- Hệ thống nước sạch ở một số trường còn thiếu, nhất là mùa nắng hạn, một số nhà vệ sinh chưa đảm bảo đúng quy định; 09/15 trường mầm non, mẫu giáo thiếu các phòng chức năng; điều kiện sinh hoạt của giáo viên vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn rất khó khăn, thiếu thốn, nhất là giáo viên có con nhỏ, giáo viên mới ra trường, giáo viên độc thân chưa có nhà ở;

- Môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn và giáo dục lấy trẻ làm trung tâm ở các nhóm lớp tư thục còn rất hạn chế, chưa tách biệt sinh hoạt gia đình với hoạt động giáo dục của cơ sở, nhiều cơ sở không bố trí nơi làm việc của chủ nhóm; công tác quản lý của hiệu trưởng đối với hệ thống ngoài công lập một số nơi chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên;

- Công tác tổ chức bán trú thực hiện còn nhiều hạn chế trong việc xây dựng thực đơn và quy trình chế biến thực phẩm (chưa có phần mềm dinh dưỡng), tỷ lệ trẻ ăn bán trú thấp.

III. Các kiến nghị, đề xuất

1. Đối với Phòng GD-ĐT huyện Ia Grai

Tiếp tục tham mưu UBND huyện quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các trường mầm non, mẫu giáo trên địa bàn, quan tâm các điểm trường lẻ, điểm trường vùng khó khăn, vùng biên giới; xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

Tổ chức rà soát lại các điều kiện hoạt động giáo dục của các cơ sở GDMN, tích cực tham mưu các cấp lãnh đạo, chủ động phối hợp chặt chẽ với các ban ngành liên quan, tăng cường chỉ đạo huy động các nguồn lực từ xã hội để xây dựng, phát triển GDMN theo đúng chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Tiếp tục tăng tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp, thu hút trẻ nhà trẻ ra lớp

và giữ vững tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp để thực hiện tốt phổ cập giáo dục;

- Trên cơ sở các đề án phát triển GDMN được Chính phủ phê duyệt, các văn bản chỉ đạo của Bộ, tỉnh, ngành cần chủ động tham mưu thực hiện có hiệu quả; tham mưu chính sách riêng của huyện liên quan đến phát triển GDMN;

- Tham mưu bổ sung GVMN nhằm nâng dần tỉ lệ giáo viên/lớp theo định biên; giảm tải hồ sơ sổ sách tránh gây áp lực cho giáo viên; tổ chức rà soát trình độ đào tạo của đội ngũ CBQL, GVMN để xây dựng lộ trình kế hoạch đào tạo nâng chuẩn đáp ứng yêu cầu Luật Giáo dục 2019;

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quản trị nhà trường, đổi mới cơ chế quản lý gắn với thực hiện tốt dân chủ trong hoạt động của các cơ sở GDMN theo yêu cầu nhiệm vụ năm học tới; phát huy nội lực của CBQL, GVMN, nhân viên;

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 2072/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019-2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kịp thời tham mưu xây dựng thay thế 10 phòng học tại các trường: Mẫu giáo 30/4, Mẫu giáo 8/3, Mẫu giáo 22/2, Mẫu giáo 26/3 và Mầm non 19/8; bổ sung 59 bộ đồ dùng dạy học tối thiểu cho các độ tuổi; 56 bộ đồ chơi ngoài trời cho các điểm trường; 18 điểm trường thiếu hàng rào, 10 điểm trường thiếu nước sạch, 16 điểm trường nhà vệ sinh đã xuống cấp, thiếu 06 bếp ăn để tổ chức bán trú cho trẻ;

- Tham mưu UBND huyện và các phòng, ban chức năng tạo mọi điều kiện pháp lý giúp các cơ sở mầm non tư thục, các nhóm/ lớp mầm non trực thuộc Công ty 715 đóng chân trên địa bàn huyện tổ chức hoạt động giáo dục đúng quy chế. Xử lý nghiêm và đình chỉ hoạt động giáo dục đối với những cơ sở tổ chức trái với Quy chế trường mầm non tư thục và Điều lệ trường mầm non.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở GDMN thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2020-2021, và những năm tiếp đến, trong đó ưu tiên tập trung tìm giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế đã nêu trên.

2. Đối với các cơ sở GDMN

- Chỉ đạo thực hiện Chương trình GDMN và biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt quan tâm vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS;

- Quản lý, hướng dẫn và giúp đỡ các nhóm trẻ gia đình trên địa bàn hoàn thiện hồ sơ pháp lý để tổ chức hoạt động giáo dục đúng quy định; quản lý chặt chẽ các nhóm lớp độc lập tư thục, hoạt động đúng quy chế, nâng cao chất lượng giáo dục;

- Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 2072/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019-2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Tích cực chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tổ chức thực hành các hoạt động giáo dục theo chế độ trong ngày của trẻ, đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương, thực hiện và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các chuyên đề: Giáo dục vệ sinh, giáo dục lễ giáo,

phát triển vận động, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý, giảng dạy, bán trú...;

- Tiếp tục phát huy nội lực để xây dựng nhà trường khang trang, xanh, sạch, đẹp, chất lượng giáo dục được nâng cao hơn; xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực ở các điểm trường, tạo các góc đa dạng, phong phú cho trẻ tham gia hoạt động giáo dục;

- Lập kế hoạch và triển khai thực hiện tốt công tác bảo quản, sử dụng tài sản của trường, lớp, bảo đảm môi trường vật chất khang trang, an toàn cho trẻ, thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán trong các cơ sở GDMN;

- Nghiêm túc thực hiện kế hoạch của UBND huyện về việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non người DTTS; kế hoạch của Bộ GD-ĐT về “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn có hiệu quả, phù hợp với địa phương và đáp ứng được mục tiêu của Chính phủ đề ra.

Sở GD-ĐT thông báo Phòng GD-ĐT huyện Ia Grai biết kết quả kiểm tra và nghiên cứu các giải pháp để tham mưu, triển khai, thực hiện nhiệm vụ GDMN sớm khắc phục những tồn tại, hoàn thành những nội dung kiến nghị nêu trên./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT các h/tx/tp;
- Các cơ sở GDMN huyện IaGra;
- Lưu: VT, GDMN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Khoa Nghi